



NATIONAL OFFICE

MIGRATION AND DEPORTATION SERVICES

13

20

J.C.20005

TTN: MRS

POLITI

The purpose of this is
formerly interned in
eligibility for U.S.
can be established.

Hồ gửi
để làm copy gửi
USCC.

3-14-85

cho gửi đến

are or were
so that
rture Program

Applicant in Vietnam

Hồ
I

Current Address

74-101

Date of Birth 04-21-1941

Names of Accompanying Relatives/Dependents

(Wife) DINH THANH VAN (06-09-54)

(Son) Ho Quoc Phong (05-05-70)

(Son) Ho Vo Phuoc (03-23-1972)

Time Spent in a Re-education Camp: Dates: From 1975 To 04-15-1978

Names of Relatives/Acquaintances in the U.S.

NAMERELATIONSHIPNAMERELATIONSHIP

Form Completed By:

FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. Box 5435, Arlington, VA 22205

Name

Address

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria
and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do
so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam
on INS Form I-130 must do so.



NATIONAL OFFICE

MIGRATION AND REFUGEE SERVICES

1512 MASSACHUSETTS AVENUE, N.W. • WASHINGTON, D.C. 20005

202/659-6625

Telex: 710 822 1164 ATTN: MRS

can't see
questionnairePOLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

Applicant in Vietnam HỒ QUANG TRUONG
Last Middle First

Current Address 74-10B LY TRẦN QUÂN, P. 4, Q. 1 HCM

Date of Birth 04-21-1941 Place of Birth CHOLON

Names of Accompanying Relatives/Dependents

(Wife) DINH THANH VAN (06-09-54)

(Son) HO QUOC PHONG (05-05-70)

(Son) HO VO PHUOC (03-23-1972)

Time Spent in a Re-education Camp: Dates: From 1975 To 04-15-1978

Names of Relatives/Acquaintances in the U.S.

NAMERELATIONSHIPNAMERELATIONSHIP

Form Completed By:

FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. Box 5435, Arlington, VA 22205

Name

Address

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

USCC Form D
(12/84)

QUESTIONNAIRE FOR QDP APPLICANTS
CÂU HỎI CHO NGƯỜI NỘP ĐƠN

QDP IV # _____

Date: _____

Ngày: _____

Fill out this questionnaire in English as completely as possible. If you cannot read or write in English, fill it out in Vietnamese.

Xin điền vào số câu hỏi sau đây bằng tiếng Anh càng nhiều càng tốt. Nếu bạn không đọc hoặc viết rành Anh-ngữ thì bằng tiếng Việt.

Mail or send the completed questionnaire to:
Gửi số câu hỏi này tới:

131 Soi Tien Siang
Sathorn Tai Road
Bangkok Thailand
10120

A. Basic Identification Data/Lý Lịch căn-bản

1. Name
Họ, tên : HỒ - QUANG - TRƯỜNG Sex: Phái Nam
2. Other Names
Họ, tên khác : /
3. Date/Place of Birth
Ngày/Nơi Sinh : 22-04-1941 Chợ Lớn Saigon
4. Residence Address
Địa-chỉ thường-trú : 74/10B Thới-Thị-Thanh (vừa mới thay tên thường trú) Phường 4, Quận 1 TP. Hồ Chí Minh (chùa có hồ và cầu)
5. Mailing Address
Địa-chỉ thư-tử : - - -
6. Current Occupation
Nghề-nghiệp hiện tại : Thợ uốn tóc

B. Relatives To Accompany Me/Bà con cùng đi với tôi

(NOTE: Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows: Married (M), Divorced (D), Widowed (W), or Single (S).)

(Chú-Ý: Vợ/chồng và con cái có thể cùng đi với bạn mà thôi. Kể khai tình trạng gia-đình như sau: Đã lập gia đình (M), đã ly dị (D), góa phụ/góa thê (W), hoặc độc thân (S))

Name Họ, Tên	Date of Birth Ngày/Tháng/Năm sinh	Place of Birth Nơi sinh	Sex Phái	MS Tình trạng gia đình	Relationship Liên-hệ gia-đình
1. <u>ĐÌNH-THANH-VĂN</u>	<u>9-6-1954</u>	<u>Bình Hòa Long Xuyên</u>	<u>Nữ</u>		<u>Vợ</u>
2. <u>HỒ QUỐC PHONG</u>	<u>05-5-1970</u>	<u>Saigon</u>	<u>Nam</u>		<u>Con</u>
3. <u>Hồ vợ Phước</u>	<u>23-3-1972</u>	<u>Saigon</u>	<u>Nam</u>		<u>Con</u>
4.					
5.					
6.					
7.					
8.					
9.					
10.					
11.					
12.					

(NOTE: For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married), divorce decrees (if divorced) spouse's death certificate (if widowed), identification cards (if available), and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in Section I below.)

(Chú-Ý: Cho mỗi người có tên trên danh sách trên, chúng tôi cần một bản khai-sinh, giá-thú (nếu lập gia-đình rồi), giấy ly hôn (nếu đã ly dị), giấy khai-tử của vợ/chồng (nếu góa phụ/góa thê), thẻ căn cước (nếu có), và hình. Nếu bà con sẽ cùng đi với bạn không chung-ngủ với bạn hiện tại, xin viết địa-chỉ của họ trong phần I.)

C. Relatives Outside Vietnam/Họ Hàng Ở Ngoại Quốc

Of Myself/của tôi

Of My Spouse/của vợ/chồng

1. Closest Relative in the U.S.
Bà con thân thuộc nhất ở Hoa-Kỳ

a. Name
Họ, Tên

: TRẦN-QUANG-HUYỀN

b. Relationship
Liên-hệ gia-đình

: Bạn thân(Friend)

c. Address
Địa-chỉ

d. Date of Relatives Arrival
in the U.S.
Ngày bà con đến Mỹ

: 31-10-1983

2. Closest Relative in Other Foreign Countries
Bà con Thân-thuộc nhất ở các nước khác

a. Name
Họ, tên

: _____

b. Relationship
Liên-hệ gia-đình

: _____

c. Address
Địa-chỉ

: _____

D. Complete Family Listing (Living/Dead)/Danh Sách Toàn-Thể Gia-Đình (Sống/Chết)

1. Father
Cha

: _____

2. Mother
Mẹ

: _____

3. Spouse
Vợ/Chồng:

: _____

4. Former Spouse (if any),
Vợ/Chồng trước (nếu có):

: _____

5. Children
Con cái:

(1)

(2)

(3)

(4)

(5)

(6)

(7)

(8)

(9)

6. Siblings
Anh chị em:

(1)

(2)

(3)

(4)

(5)

(6)

(7)

(8)

(9)

VII

VIETNAMESE GOVERNMENT OR MILITARY SERVICE

If the Principal Applicant or any accompanying relative worked for the Vietnamese Government or served in the Vietnamese military prior to 1975, please complete this section.

NAME OF PERSON

HỒ - QUANG - TRƯỜNG

MINISTRY OR MILITARY UNIT

BTL/HẢI QUÂN SỞ AN NINH

TITLE OR RANK

Thượng Sĩ

PLACE

SỞ AN NINH HẢI QUÂN SAIGON

FROM

1971

TO

30-4-75

JOB DESCRIPTION

Thân nhận hồ sơ lập danh sách gửi đi huấn luyện Khôn AN-

LIST ANY AWARDS, COMMENDATIONS, OR MEDALS RECEIVED FROM THE U.S. GOVERNMENT:

NINH

DID YOUR RELATIVES WORK CLOSELY WITH AMERICANS? YES

☐

NO

☒

IF YES,

PLEASE DESCRIBE:

NAMES/RANKS OF ANY AMERICAN ADVISORS

VIII

RE-EDUCATION

DID THE PRINCIPAL APPLICANT OR ANY ACCOMPANYING RELATIVE SPEND TIME IN REEDUCATION?

YES

☒

NO

☐

NAME

HỒ - QUANG - TRƯỜNG

DURATION from

8-20-75

to

4-15-78

NAME

DURATION from

to

IX

REMARKS

Are there any special considerations or comments that would affect your relatives' eligibility?

IF MORE SPACE IS NECESSARY FOR YOU TO ADD MORE COMPLETE INFORMATION ABOUT ANY OF THE ITEMS REQUESTED ON THIS AFFIDAVIT, PLEASE WRITE THAT INFORMATION ON A SEPARATE SHEET TO BE ATTACHED TO THE AFFIDAVIT. THIS WILL BE NECESSARY IF MORE THAN ONE FAMILY MEMBER WORKED FOR THE U.S. GOVERNMENT, A U.S. COMPANY, OR THE VIETNAMESE GOVERNMENT.

X

NOTARIZATION

I swear that the above information is true. I understand that any false statement could jeopardize my immigration status in the United States.

Subscribed and sworn to me

Signature of Applicant

this

day of

19

Signature of Notary

My commission expires:

SEAL OF NOTARY

NOTE: If you are a refugee or Permanent Resident Alien, please attach a copy of your I-94 (refugee) or I-151/I-551 (Permanent Resident Alien) green card to the completed affidavit. Do not photocopy your Naturalization Certificate.

THIS FORM IS FREE; IT MAY BE REPRODUCED BY ANYONE.

IV B.U.S. GOVERNMENT TRAINING OR SCHOOLING IN VIETNAM

Was any training or schooling provided by the U.S. Government for the Principal Applicant or any accompanying relative? YES ☐ NO ☐

FOR: (NAME) _____

<u>DATE</u>		<u>SCHOOL</u>	<u>PLACE</u>
FROM _____	TO _____	_____	_____
FROM _____	TO _____	_____	_____

DESCRIBE: _____

VPRIVATE EMPLOYMENT

If the Principal Applicant or any accompanying relative worked for a U.S. company or organization, please complete this section.

NAME OF EMPLOYEE _____
JOB TITLE _____
NAME OF COMPANY or ORGANIZATION _____
SUPERVISOR'S NAME _____
PLACE _____ FROM _____ TO _____
JOB DESCRIPTION _____
EMPLOYEE NUMBER _____ BADGE NUMBER _____ PAYROLL NUMBER _____
REASON FOR SEPARATION _____

NAME OF PREVIOUS COMPANY or ORGANIZATION _____
PREVIOUS JOB TITLE _____ SUPERVISOR'S NAME _____
PLACE _____ FROM _____ TO _____
JOB DESCRIPTION _____
EMPLOYEE NUMBER _____ BADGE NUMBER _____ PAYROLL NUMBER _____
REASON FOR SEPARATION _____

VITRAINING OR SCHOOLING OUTSIDE VIETNAM

If the Principal Applicant or any accompanying relative in Vietnam was trained or educated outside Vietnam, please complete this section.

NAME OF STUDENT/TRAINEE _____ NAME OF SCHOOL _____
DESCRIPTION OF COURSES _____
PLACE _____ DEGREE/CERTIFICATE _____
WHO PAID FOR THE TRAINING? _____
DURATION OF TRAINING FROM _____ TO _____

NAME OF STUDENT/TRAINEE _____ NAME OF SCHOOL _____
DESCRIPTION OF COURSES _____
PLACE _____ DEGREE/CERTIFICATE _____
WHO PAID FOR THE TRAINING? _____
DURATION OF TRAINING FROM _____ TO _____

Độc sinh

KHAI SANH

Số hiệu

Ấu-nhi:

(Tên, họ)

TINH THANH VAN (SONG-THAI)

Phái:

NU

Sanh

(ngày tháng năm)

ngày 9 THANG 6 DL 1954

Tại:

Cha:

(Tên, họ)

TINH VAN SUNG

Tuổi:

Nghề-nghiep:

Cư-trú tại:

CHAUFFEUR

Mẹ:

(Tên, họ)

LANG BINH HOA

Tuổi:

Nghề-nghiep:

Cư-trú tại:

Vợ (chánh hay vợ thứ)

Người khai:

Tuổi:

Nghề-nghiep:

Cư-trú tại:

Ngày khai:

Người chứng thứ nhất:

(Tên, họ)

Tuổi:

Nghề-nghiep:

Cư-trú tại:

Người chứng thứ hai:

(Tên, họ)

Tuổi:

Nghề-nghiep:

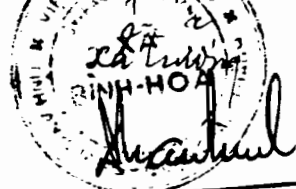
Cư-trú tại:

HỘI ĐỒNG XÃ BÌNH HOA

Tên họ cha mẹ đẻ của ấu-nhi

Ấu-nhi: TINH THANH VAN

Sinh ngày: 9 tháng 6 năm 1954



PHÒNG HÀNH-DU

LỤC Y NHƯ TRONG

ở ngày 7 tháng 10

HỘI VIÊN HỒ TỊCH

Lean

Hồng Ngọc Bân

CHỨNG THẬT CHỮ KÝ TÊN CỦA

ỦY BAN HÀNH-CHÁNH

Bình Hoa

hân đầy

ĐẦU THÁNG 8 tháng 10 năm 1954

Tên họ cha mẹ đẻ của ấu-nhi

Ấu-nhi: TINH THANH VAN

Sinh ngày: 9 tháng 6 năm 1954

Tên họ cha mẹ đẻ của ấu-nhi

Ấu-nhi: TINH THANH VAN

Sinh ngày: 9 tháng 6 năm 1954

Tên họ cha mẹ đẻ của ấu-nhi

Ấu-nhi: TINH THANH VAN

Sinh ngày: 9 tháng 6 năm 1954

Tên họ cha mẹ đẻ của ấu-nhi

Ấu-nhi: TINH THANH VAN

Sinh ngày: 9 tháng 6 năm 1954

Tên họ cha mẹ đẻ của ấu-nhi

Ấu-nhi: TINH THANH VAN

Lập tại: Đầu tháng 8 năm 1954

Người khai: Đầu tháng 8 năm 1954

Họ lại: Đầu tháng 8 năm 1954

Nhân chứng: Đầu tháng 8 năm 1954

14
BỘ QUỐC PHÒNG
Cục Quân Pháp

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3.252-QĐ.

GIẤY RA TRẠI

Chỉ thị số 316/TTg ngày 22-08-1977 của Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về chính sách đối với binh sĩ, nhân viên có quan chức quyền của chế độ cũ và đảng phái phản động hiện đang bị tập trung cải tạo.

Căn cứ thông tư 146/BQ-Quốc phòng - Nội vụ số 07 ngày 22-08-1977 về việc thực hiện chỉ thị số 316/TTg ngày 22-08-1977 của Thủ tướng Chính phủ.

Thực hành quyết định số 65-QĐ ngày 03-1978 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

CẤP GIẤY RA TRẠI

Họ và tên: HỒ QUANG TRIỂN 7590-L19-T6

Ngày, tháng, năm sinh: 1941.

Quê quán: Chợ Lớn.

Trú quán: 74/10B Lý Trần Quán, phường 4, Quận Một.

Số lính, cấp bậc, chức vụ trong bộ máy chính quyền, quân sự và các tổ chức chính trị phản động của chế độ cũ: 611/700.202-Thượng Hạ sĩ quân bản huấn luyện Bộ Tư lệnh Hải quân.

- Khi về, phải trực tiếp trình ngay giấy này với Ủy Ban Nhân dân và công an xã,

Phường: Bốn thuộc Huyện,

Quận: Một Tỉnh, Thành phố: Hồ Chí Minh.

và phải tuân theo các quy định của Ủy Ban Nhân dân Tỉnh, Thành phố về việc quản chế, về nơi cư trú và các mặt quản lý khác:

- Thời hạn quản chế: Mười hai tháng.

- Thời hạn đi đường: 1 ngày (kể từ ngày ký giấy ra trại).

- Tiền số hoặc thẻ đi đường ở cấp: _____

+ Cho về tạm trú Một tháng, sau đó chịu sự điều động của chính quyền địa phương hồi hương hoặc đi vùng kinh tế mới.

Thủ trưởng
Hàng Sĩ Văn...
lưu địa chỉ tạm trú...
địa chỉ tạm trú...
phường...
tạm trú lần 2

Này... tháng 04 năm 1978

ĐOÀN 700

Trung tá: NGUYỄN VĂN BẮN.

Đã...
ngày 17/4/88
Trà,
Hưng
Trần Quốc H.

Chúng tôi
Đã...
CA...
Ngày...
Hết...
đang...
F...
F...



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: C20468023

Họ tên ĐINH THANH VÂN

Sinh ngày 09-6-1954

Nguyên quán Long Xuyên,
An Giang.

Nơi thường trú 74/10B Lý-
Trần Quán, TP. Hồ Chí Minh

Dân tộc: **Kinh**

Tôn giáo: **Không**



NGON TRỎ TRÁI

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

Sẹo chấm cách 1cm
dưới sau mép trái



NGON TRỎ PHẢI

Ngày **16** tháng **11** năm **1978**

KT/GIÁM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN

U. Q. KT BAN GIÁM ĐỐC

PHÓ PHÒNG CSI

M. K. L.
Mai Văn Căn

VIỆT-NAM CÔNG-HÒA

TỈNH

PHONG DINH

BỘ ĐÔI

BỘ SAO LỤC HÔN THỨ NĂM 1971 bộ Thất

LÀNG PHÚ-THỦ

485

Số liên

Năm Một ngàn chín trăm bảy mươi một

sa ngày

Mười mốt Hai, tháng 12 đl 1971

Tên

HỒ-QUANG-TRUNG

con trai của

Hồ quang Trung (sống)

và của

Vũ thị Thanh (sống)

sinh tại

4 Bô Frédéric Bouchet Saigon

ngày

22-4-1941 (Quảng Đức avril

kết hôn ở

Xã Phú-Thủ (PhongDinh)

với Có

DINH-THANH-VĂN

con gái của

Dinh văn Sung (sống)

và của

Vũ thị Hò (sống)

sinh ngày

9-6-1954

ở

Bình Hòa

MIỄN THỊ THỰC

(T.C. Thống kê số 1266 K.V. HC/29
Ngày 3-8-1971)

SAO Y BỘ ĐÔI

Tại PHÚ-THỦ ngày 22/12/1971

Ủy-Ban Hành-Chánh Xã

Xã-Trưởng

HÀNH-CHÁNH

XÃ

PHÚ-THỦ

Ủy-viên Hộ-tịch

HUYỀN LONG sĩ

ĐÔ-THÀNH SAIGON

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TÒA-MÀNH-CHÁNH QUẬN NĂM

HỘ-TỊCH

Thao/6

Số hiệu: 2783B

★

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

M EN PHI QUAN VU

Năm một ngàn chín trăm

bảy mươi hai

Tên, họ đứa nhỏ	HỌ VÔ PHUOC
Phái	nam
Ngày sanh	hai mươi ba tháng ba năm một ngàn chín trăm bảy mươi hai
Nơi sanh	128 Đại lộ Hùng Vương
Tên, họ người Cha	HỌ QUANG TRUONG
Tuổi	ba mươi một
Nghề-nghiệp	quân nhân
Nơi cư-ngụ	5/1A Trần nhân Tôn
Tên, họ người Mẹ	DIEM THANH VAN
Tuổi	mười tám
Nghề-nghiệp	nội trợ
Nơi cư-ngụ	5/1A Trần nhân Tôn
Vợ chánh hay thứ	vợ chánh

Lập tại Saigon, ngày 27 tháng 03 năm 1972

TRÍCH-LỤC Y BỒN CHÁNH:

Saigon, ngày 6 tháng 4 năm 1972

QUẢN-TRƯỞNG QUẬN NĂM.



[Handwritten signature]
Kính

Số hiệu : 1956

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI SANH

Năm một ngàn chín trăm bảy mươi. (1970)

Tên, họ đứa nhỏ	Hồ Quốc Phong
Phái	Nam
Ngày sanh	Năm tháng năm năm một ngàn chín trăm bảy mươi, 7 giờ 05
Nơi sanh	Saigon, 89 Trần quang Khải
Tên, họ người Cha. . .	Hồ Quang Trường Khai nhin đứa nhỏ là con ngày 7-5-1970
Tuổi	29
Nghề-nghiệp	Quân nhân
Nơi cư-ngụ	Saigon, 81 Nguyễn phi Khanh
Tên, họ người mẹ . . .	Đinh Thanh Vân
Tuổi	16
Nghề-nghiệp	Nội trợ
Nơi cư-ngụ	Saigon, 61 Nguyễn phi Khanh
Vợ chánh hay thứ . .	---

Lập tại Saigon, ngày 7 tháng 5 năm 19 70

TRÍCH-LỤC Y BỒN CHÁNH:

Saigon, ngày 8 tháng 5 năm 19 70

QUẬN-TRƯỞNG QUẬN I

Phó Quận Trưởng,

1970



VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
République du Viêt-Nam

BỘ TƯ-PHÁP
Secrétariat d'Etat à la Justice

SỞ TƯ-PHÁP NAM-PHẦN
Service Judiciaire du Sud-Vietnam

PHÒNG LỤC-SỰ TÒA SAIGON

(GREFFE DU TRIBUNAL DE)

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH CHOLON
(Extrait du registre des actes de naissance)

(NAM-PHẦN)
(Sud-Vietnam)

NĂM 1941
(Année)

SỐ HIỆU 3158
(Acte N°)

Tên, họ đứa con nít. (Nom et prénom de l'enfant)	HO QUANG TRUONG
Nam, nữ. (Sexe de l'enfant)	masculin
Sanh ngày nào (Date de naissance)	le vingt deux avril 1941
Sanh tại chỗ nào. (Lieu de naissance)	4 Bd Frédéric Drouhet
Tên, họ cha (Nom et prénom du père)	HO QUANG TRUNG
Cha làm nghề gì (Sa profession)	garde des Douanes et Régies
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	quai de la Marne Saigon
Tên, họ mẹ (Nom et prénom de la mère)	VU THI THANH
Mẹ làm nghề gì (Sa profession)	couturière
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	quai de la Marne Saigon
Vợ chánh hay vợ thứ (Son rang de femme mariée)	premier rang

Chúng tôi, DANG VU HAM
(Nous)

duoc Chánh-án Tòa SAIGON U.N.
(Président du Tribunal)

chứng cho hợp-pháp chữ ký tên của
(Certifions l'authenticité de la signature de)

Ông TRAN QUAN CHAN
(M.)

Chánh Lục-sự Tòa-án sở tại.
(Greffier en chef dudit tribunal).

SAIGON, ngày 24/6 1959

TUN CHÁNH-ÁN.
(LE PRÉSIDENT)

THAM PHAN,

Trích y bản chánh
(Pour extrait conforme)

SAIGON, ngày 24/6 1959

CHÁNH LỤC-SỰ.
(LE GREFFIER EN CHEF).

Giá tiền : —

(Coût)

Biên-lai số :

(Quittance n°)

5.00

33582/84

VIỆT - NAM - CỘNG - HÒA
République du Viêt - Nam

BỘ TƯ - PHÁP
Secrétariat d'Etat à la Justice

SỞ TƯ - PHÁP NAM-PHẦN
Service Judiciaire du Sud-Vietnam

PHÒNG LỤC-SỰ TÒA SAIGON

(GREFFE DU TRIBUNAL DE)

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH CHOLON
(Extrait du registre des actes de naissance)

(NAM-PHẦN)
(Sud-Vietnam)

NĂM 1941
(Année)

SỐ HIỆU 3158
(Acte N°)

Tên, họ đứa con nít. (Nom et prénom de l'enfant)	HO QUANG TRUONG
Nam, nữ. (Sexe de l'enfant)	masculin
Sanh ngày nào (Date de naissance)	le vingt deux avril 1941
Sanh tại chỗ nào. (Lieu de naissance)	4 Bd Frédéric Drouhet
Tên, họ cha (Nom et prénom du père)	HO QUANG TRUNG
Cha làm nghề gì (Sa profession)	garde des Douanes et Régies
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	quai de la Marne Saigon
Tên, họ mẹ (Nom et prénom de la mère)	VU THI THANH
Mẹ làm nghề gì (Sa profession)	couturière
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	quai de la Marne Saigon
Vợ chánh hay vợ thứ (Son rang de femme mariée)	premier rang

Chúng tôi, DANG VU HAM
(Nous)
được Chánh-ấn Tòa SAIGON U.N.
(Président du Tribunal)

chứng cho hợp-pháp chữ ký tên của
(Certifions l'authenticité de la signature de)

Ông TRAN QUAN CHAN
(M.)

Chánh Lục-sự Tòa-án sở tại.
(Greffier en chef dudit tribunal).

SAIGON, ngày 24/6 1959

TUN CHÁNH - ÁN.
(LE PRÉSIDENT)
THAM PHAN,

Trích y bản chánh
(Pour extrait conforme)

SAIGON, ngày 24/6 1959

CHÁNH LỤC-SỰ.
(LE GREFFIER EN CHEF).

Giá tiền : —
(Cout)
Biên-lai số :
(Quittance n°)

5.00
33582/84

Số: 3.252-QĐ.

GIẤY RA TRẠI

Chỉ thị số 316/Ttg ngày 22-08-1977 của Thủ tướng phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về chính sách đối với binh sĩ, nhân viên các cơ quan chính quyền của chế độ cũ và đảng phái phản động hiện đang bị tập trung cải tạo.

Căn cứ thống tư Liên Bộ Quốc Phòng - Nội vụ số 07-0012 ngày 29-12-1977 về việc thực hiện chỉ thị số 316/Ttg ngày 22-08-1977 của Thủ tướng Chính phủ.

Thực hành quyết định số 65-QĐ ngày 30-03-1978 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

CẤP GIẤY RA TRẠI

Họ và tên: HỒ QUANG TRƯỜNG 7590-L1C-T6

Ngày, tháng, năm sinh: 1941

Quê quán: Chợ Lớn

Trú quán: 74/104B Lý Trần Quán, phường 4, Quận Một

Số lính, cấp bậc, chức vụ trong bộ máy chính quyền, quân sự và các tổ chức chính trị phản động của chế độ cũ: 614/700.202-T Mộng sĩ
Hạ sĩ quân huấn luyện Bộ Tư lệnh Hải quân

- Khi về, phải trực tiếp trình ngay giấy này với Ủy Ban Nhân dân và công an xã, Phường: Bến thuộc Huyện, Quận: Một Tỉnh, Thành phố: Hồ Chí Minh.

và phải tuân theo các quy định của Ủy Ban Nhân dân Tỉnh, Thành phố về việc quản chế, về nơi cư trú và các mặt quản lý khác:

- Thời hạn quản chế: Mười hai tháng

- Thời hạn đi đường: Ngày (kể từ ngày ký giấy

ra trại).

- Tiền và lương thực đi đường cấp:

+ Cho và tạm trú Một tháng, sau đó chịu sự điều động của chính quyền địa phương hồi hương hoặc đi vùng kinh tế mới.

Phường 5 và Quận Một, quản quân sự và công an phường 5 và Quận Một năm 1978
lưu địa chỉ trú ẩn, kết hợp với Ủy Ban Nhân dân Quận Một
tên tên Xếp cấp chính trị và hành chính

Ngày 18 tháng 4 năm 1978

Phường công an quản

Phường công an quản

Trung tá: NGUYỄN VĂN BÀN.

Ngày 17/4/88

Trần

Trần quốc h

Chung

Đã biết được tên địa điểm

~~Trần quốc h~~

Ngày 17.04.88

Đã được biết tên địa điểm

đang nằm ở địa điểm

ở địa điểm

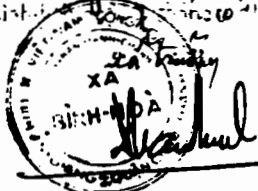
Độc sinh

KHAI SANH

SS hiện 60

Ấn - chỉ : (Tên, họ)	ĐINH THANH VÂN (SONG THAI)
Phái :	HU
Sanh (ngày tháng năm)	NGÀY 9 THANG 6 DL. 1954
Tại :	LANG BINH HOA
Cha : (Tên, họ)	ĐINH VAN SUNG
Tuổi :	
Nghề-nghiệp :	CHAUFFEUR
Cư-trú tại :	LANG BINH HOA
Mẹ : (Tên, họ)	HO THI MÂN
Tuổi :	
Nghề-nghiệp :	BUON BAN
Cư-trú tại :	LANG BINH HOA
Vợ (chánh hay vợ thứ)	VỢ CHANH
Người khai :	HO VAN TOI
Tuổi : -	60 TUOI
Nghề-nghiệp :	LAM RUONG
Cư-trú tại :	LANG BINH HOA
Ngày khai :	
Người chứng thứ nhất : (Tên, họ)	LE VAN NHO
Tuổi :	48 TUOI
Nghề-nghiệp :	LAM RUONG
Cư-trú tại :	LANG BINH HOA
Người chứng thứ hai (Tên, họ)	HO VAN CHAN
Tuổi :	52 TUOI
Nghề-nghiệp :	LAM RUONG
Cư-trú tại :	LANG BINH HOA

QUẬN XÃ BÌNH-HOÀ
Thị trấn chợ kỳ lân ngoài đầu
cục huyện Bình Hòa
Sinh



QUẬN-THÀNH DUY

AG LUY NHI TRONG
HỒ NGUYỄN 1 tháng 6
HỘI VIÊN HỒ TỊCH

Lean
Hội viên nghị quyết

CHỨNG THẬT CHỮ KÝ TÊN CỦA

Ký tên: HO VAN TOI

KY TEN

CHỖ TỰ KÝ TÊN

QUẬN-TRƯỞNG

QUẬN-TRƯỞNG

QUẬN-TRƯỞNG

QUẬN-TRƯỞNG

QUẬN-TRƯỞNG

QUẬN-TRƯỞNG

QUẬN-TRƯỞNG

QUẬN-TRƯỞNG

Lập tại Long Xuyên, ngày 10 tháng 6 đl. 1954

Người khai: Binh Hoa Ngày 10 tháng 5 đl. Giáp Ngọ

PHAN VAN HU

KY TEN

LE VAN NHO (KY TEN)

HO VAN CHAN (KY TEN)

Số hiệu : 1936

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI SANH

Năm một ngàn chín trăm bảy mươi. (1970)

Tên, họ đứa nhỏ	Hồ Quốc Phong
Phái	Nam
Ngày sanh	Sáu tháng năm năm một ngàn chín trăm bảy mươi, 7 giờ 05
Nơi sanh	Saigon, 89 Trần Quang Khải
Tên, họ người Cha. . .	Hồ Quang Trường Khai nhận đứa nhỏ là con ngày 7-5-1970
Tuổi	29
Nghề-nghiệp	Quân nhân
Nơi cư-ngụ	Saigon, 61 Nguyễn phi Khanh
Tên, họ người mẹ . . .	Đinh Thanh Vân
Tuổi	16
Nghề-nghiệp	Nội trợ
Nơi cư-ngụ	Saigon, 61 Nguyễn phi Khanh
Vợ chánh hay thứ . . .	---

-Lập tại Saigon, ngày 7 tháng 5 năm 19 70

* TRÍCH-LỤC Y BỐN CHÍNH :

-Lập tại Saigon, ngày 4 tháng 5 năm 19 70

QUẬN - TRƯỞNG QUẬN - I
Phó Quận Trưởng,

MIỄN LỆ-PHÍ
Đã nộp Vào NSĐ
QUẬN-BỘ



[Handwritten signature]

TRÍCH LỤC BỘ KHAI SANH

Lệ phí 10\$

Năm một ngàn chín trăm

Phẩy mười hai

Tên, họ đứa nhỏ	HO VO PHUOC
Phái	Nam
Ngày sanh	hai mươi ba tháng ba năm một ngàn chín trăm bảy mươi hai hồi 8G15
Nơi sanh	128 đại lộ Hùng Vương
Tên, họ người Cha	HO QUANG TRUONG
Tuổi	Ba mươi mốt
Nghề-nghiệp	Quân nhân
Nơi cư-ngụ	5/1-A Trần Nhuận Tôn
Tên, họ người Mẹ	ĐINH THANH VAN
Tuổi	Mười tám
Nghề-nghiệp	Nội trợ
Nơi cư-ngụ	5/1-A Trần Nhuận Tôn
Vợ chánh hay thư	Vợ chánh

Lập tại Saigon, ngày 27 tháng 3 năm 1972

TRÍCH LỤC Y BỔN CHÁNH

5 tháng 4 năm 1972
TUN QUẢN QUẢN QUẬN NĂM



Chánh